TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 27/09/2024
Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và bà Trần Thị Lệ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 09 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 158/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 07 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 08 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 09 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Y – sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số nhà D, tổ E, phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Mạnh Cường H – sinh năm 1996.

Địa chỉ: Xóm D, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu Y trình bày: Chị và anh Trần Mạnh Cường H sau khoảng 3 năm tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ anh H tại xã T và chung sống hạnh phúc khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vấn đề làm ăn kinh tế khó khăn, vợ chồng nợ nần nhiều và không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Thực tế anh chị sống ly thân nhau hai năm nay và không

quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung cháu Trần Nguyễn Thanh B, sinh ngày 25 tháng 03 năm 2020, hiện cháu B đang ở cùng với chị. Nay ly hôn chị nhận nuôi cháu B và chị không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh H không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Trần Mạnh C H hiện đang cư trú tại cùng bố anh H là ông Trần Thanh H1 tại xóm D, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Trần Mạnh C H và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh H thông qua bố của anh H là ông Trần Thanh H1, ông H1 cam kết giao ngay tận tay các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H. Bản thân anh H cũng đã biết việc chị Y có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh H không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83,84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu Y ly hôn anh Trần Mạnh Cường H.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu Y tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Trần Nguyễn Thanh B, sinh ngày 25 tháng 03 năm 2020 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Trần Mạnh Cường H không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Y nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu Y có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trần Mạnh C H có nơi cư trú tại: Xóm D, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Trần Mạnh Cường H, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Y và anh Trần Mạnh C H có đăng ký kết hôn ngày ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng ba năm đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do điều kiện kinh tế khó khăn và nợ nần nhiều nên không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Hơn hai năm nay anh chị sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh H không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh H có thái độ bỏ mặc và không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được và chỉ tồn tại trên danh nghĩa.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T thể hiện: Anh H là con ông Trần Thanh H1, hiện anh H đang sinh sống cùng ông H1 tại xóm D, xã T, huyện K. Anh H và chị Y kết hôn với nhau vào tháng 11/2019 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng ông H1, quá trình chung sống với nhau đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Qua nắm bắt tại cơ sở được biết anh H và chị Y mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vấn đề làm ăn kinh tế. Được biết từ đầu năm 2023 chị Y về nhà bố mẹ đẻ chị Y ở không ở cùng anh H nữa. Nay chị Y xin ly hôn anh H đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh H đã không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị Y và anh H có một con chung cháu Trần Nguyễn Thanh B, sinh ngày 25 tháng 03 năm 2020. Hiện cháu B đang ở cùng với chị Y. Nay ly hôn chị Y có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung của hai vợ chồng và không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung. Về phía anh H không có ý kiến gì về việc giải quyết các vấn đề trong vụ án, cũng như không

có ý kiến gì về việc nuôi con sau khi ly hôn. Nay để không làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý và đảm bảo quyền lợi của con chung nên giao cháu B cho chị Y tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống. Về vấn đề cấp dưỡng đối với con chung do chị Y không yêu cầu cấp dưỡng. Việc chị Y không yêu cầu cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện do vậy không buộc anh H phải cấp dưỡng đối với con chung là phù hợp với với điều 82, 83 Luật Hôn nhân nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Thu Y phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu Y và anh Trần Mạnh Cường H (Quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Thanh B, sinh ngày 25 tháng 03 năm 2020 cho chị Nguyễn Thị Thu Y tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Trần Mạnh Cường H không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và anh H có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Y phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002271 ngày 17 tháng 07 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND thị trấn P, huyện K.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Trần Thị Khanh